

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 23 - Lô 01 - Khu 97 Bạch Đằng – phường Hạ Lý – quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng

Điện Thoại: +(84)31.626.3333 - Fax: (84)313.533.679

Email: Info@quangbinhjsc.com.vn

Website: www.quangbinhjsc.com.vn

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Nhà đầu tư,

Khép lại năm 2016 nhìn chung nền kinh tế Việt Nam không mang nhiều yếu tố tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,21% thấp hơn mục tiêu kế hoạch mà Chính Phủ đề ra là 6,7%, lạm phát được kiểm soát ở mức 4,74%, xuất siêu đạt 2,68 tỷ USD... Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Bên cạnh những cơ hội từ sự hội nhập ngày càng sâu rộng của kinh tế thế giới, thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình cũng đứng trước những thách thức như áp lực cạnh tranh của thị trường, đối thủ cạnh tranh và những rủi ro về tỷ giá Tuy nhiên, suốt 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh, sản xuất khác, tạo những bước đột phá để dần khẳng định vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất phân bón, hóa chất, hàng nông sản và dịch vụ xuất nhập khẩu. Cụ thể, trong năm 2016 doanh thu công ty đạt 4,495 tỷ đồng tăng 118% so với kế hoạch và tăng 127,8% so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt gần 13,56 tỷ đồng đạt 16,34% so với kế hoạch.

Năm 2017 dự báo sẽ là một năm nhiều khó khăn và thách thức. Do vậy mục tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2017 sẽ là cố gắng duy trì ổn định mức lợi nhuận sau thuế 85 tỷ đồng và phân đầu doanh thu đạt 3.900 tỷ đồng.

Thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã luôn đồng hành, đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt 10 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Thay mặt HĐQT/ Chủ tịch HĐQT 



Nguyễn Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016
VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
VỀ NHỮNG CÀI CÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM 2016
KẾ HOẠCH NĂM 2016
VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12/03/2007.

Vốn điều lệ: 693.299.280.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu: 828.084.674.315 VNĐ

Địa Chỉ: Số 23 - Lô 01 - Khu 97 Bạch Đằng – phường Hạ Lý – quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng

Số điện thoại: +(84)31.626.3333

Số Fax: (84)313.533.679

Website: www.quangbinhjsc.com.vn

Mã cổ phiếu: QBS



2. Quá trình hình thành và phát triển

Các các sự kiện và thành tích nổi bật:

Năm 2007: Thành lập công ty với vốn điều lệ 1 tỷ đồng.

Năm 2009:

- Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009.
- Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009.

Năm 2010:

- Tăng vốn điều lệ từ 1 tỷ lên 9,9 tỷ đồng. Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng

Năm 2011:

- Tăng vốn điều lệ từ 9,9 tỷ lên 20 tỷ đồng.
- Đơn vị thi đua xuất sắc 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng;
- Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng;
- Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp;
- Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011;
- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp.

Năm 2012:

- Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ lên 56 tỷ đồng.
- Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng;
- Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp;
- Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế;
- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên.

Năm 2013:

- Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013;
- Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp.
- Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp.

Năm 2014:

- Tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng.
- Công ty đã niêm yết cổ phiếu thành công lên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.
- Chứng nhận Doanh nhân, doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014;
- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng.

Năm 2015:

- Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên gần 640 tỷ đồng.
- Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015; Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015.

Năm 2016: Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh phân bón:

- Xuất khẩu ra nước ngoài và thương mại nội địa đều là thị trường chính của công ty. Các loại sản phẩm phân xuất khẩu như DAP, Ure, Map, NPK, Lân, Kali...
- Các sản phẩm của nhà máy: Lân chậm tan, NPK các chủng loại và phân tích nguyên liệu đầu vào, Lân trắng, DAP, SA, Apatit, Cao lanh, Ure, Map Super lân tươi, Than...

Kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất:

- Nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Hiện tại Quảng Bình đang kinh doanh 2 loại hóa chất đó là Lưu huỳnh (Sunfur) và Axit Sunfuric (H₂SO₄)

Cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho ngoại quan, chuyển khẩu hàng hóa và các dịch vụ khác:

- Cung ứng dịch vụ kho bãi ngoại quan cho các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, kiểm tra hải quan, kho bãi tại Hải Phòng, đáp ứng tiêu chuẩn kho bãi ngoại quan của Tổng cục Hải quan quy định, được trang bị hệ thống camera cho phép theo dõi hoạt động và đảm bảo an ninh chặt chẽ.

Các hoạt động kinh doanh khác:

- Xuất nhập khẩu đường, nông sản...
- Nhập bò Úc.

Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở Công ty: Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ: Lô CN4.4F, CN4.4G, CN4.4H, Khu công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình – Nhà máy NPK, Xóm 6, Cống Chanh, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

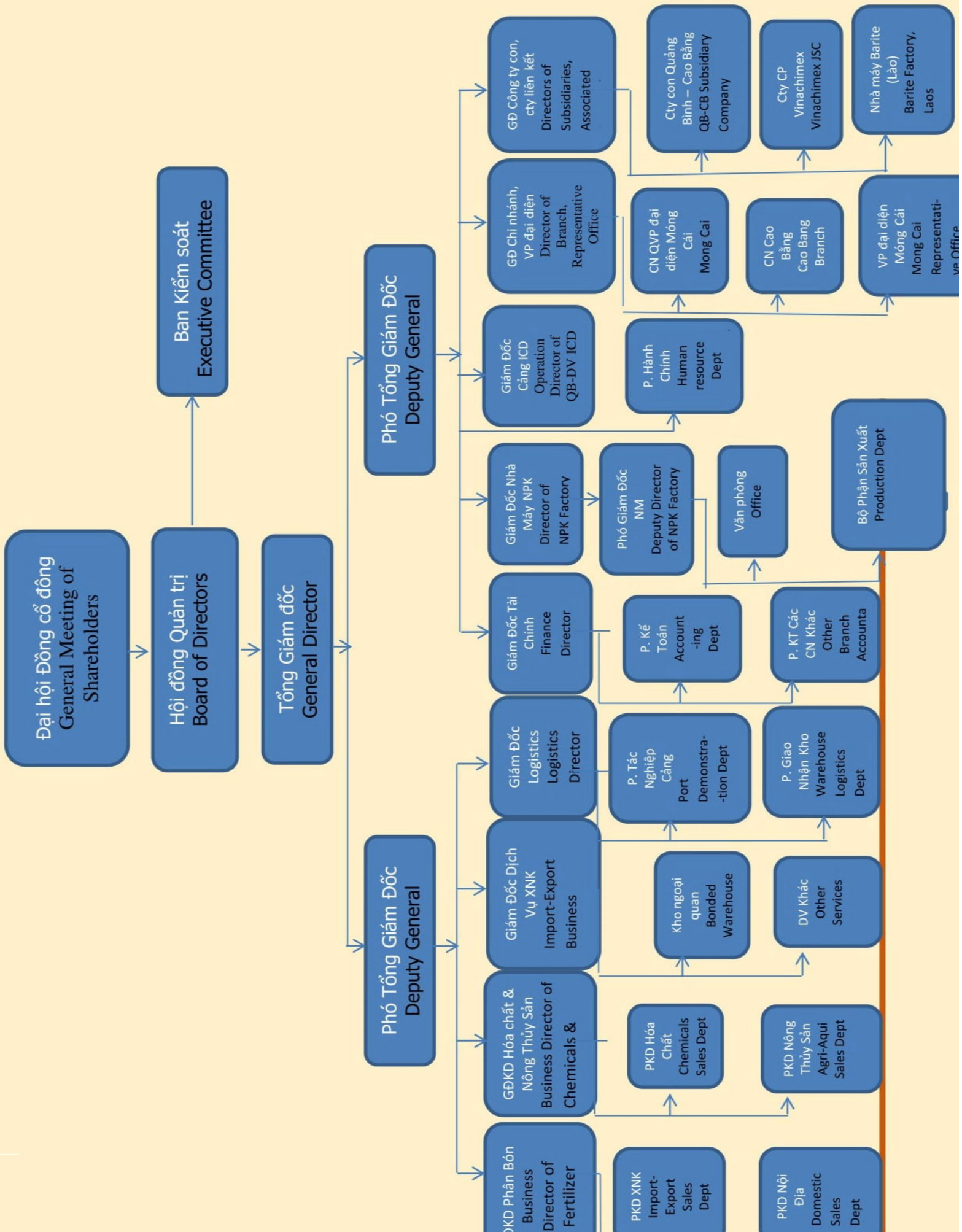
- Văn phòng đại diện Móng Cái: Số 30 khu Thượng Trung, Ninh Dương, Móng Cái, Quảng Ninh.
- Công ty con - Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng: Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- Chi nhánh Quảng Bình: Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình.
- Chi nhánh Cao Bằng: Lô 52A - Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- Kho ngoại quan Lào Cai: Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Bãi trung chuyển và kiểm hóa tại Điện Biên: Huyện Mường Chà và huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
- Chi nhánh Sydney: Số 36 đường Elliston, Chester Hill New South Wales 2162, Australia.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

Sơ đồ bộ máy quản lý.



Đại hội Đồng cổ đông
General Meeting of Shareholders

Hội đồng Quản trị
Board of Directors

Ban Kiểm soát
Executive Committee

Tổng Giám đốc
General Director

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General

GDKD Phân Bón
Business Director of Fertilizer

GDKD Hóa chất & Nông Thủy Sản
Business Director of Chemicals & Agri-Aqui

Giám đốc Dịch Vụ XNK
Import-Export Business

Giám đốc Cảng
Logistics Director

Giám đốc Tài Chính
Finance Director

Giám đốc Nhà Máy NPK
Director of NPK Factory

Giám đốc Cảng ICD
Operation Director of QB-DV ICD

GD Chi nhánh, VP đại diện
Director of Branch, Representative Office

GD Công ty con, cty liên kết
Directors of Subsidiaries, Associated

PKD XNK
Import-Export Sales Dept

PKD Nội Địa
Domestic Sales Dept

PKD Hóa Chất
Chemicals Sales Dept

PKD Nông Thủy Sản
Agri-Aqui Sales Dept

Kho ngoại quan
Bonded Warehouse

DV Khác
Other Services

P. Tác Nghiệp Cảng
Port Demonstration Dept

P. Giao Nhận Kho
Warehouse Logistics Dept

P. Kế Toán
Accounting Dept

P. KT Các CN Khác
Other Branch Accountants

Phó Giám đốc NM
Deputy Director of NPK Factory

Văn phòng
Office

Bộ Phận Sản Xuất
Production Dept

P. Hành Chính
Human resource Dept

CN QVP đại diện Móng Cái
Mong Cai

CN Cao Bằng Cao Bằng
Cao Bang Branch

VP đại diện Móng Cái
Mong Cai Representative Office

Cty con Quảng Bình – Cao Bằng
QB-CB Subsidiary Company

Cty CP Vinachimex
Vinachimex JSC

Nhà máy Barite (Lao)
Barite Factory, Laos

Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận

Hiện tại, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, trong đó Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.



Các phòng ban chức năng

Phòng Giao nhận

Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty.

Phòng Kinh doanh

Phòng kinh doanh bao gồm:

- *Phòng kinh doanh 1:* Phụ trách mảng thương mại phân bón, xuất nhập khẩu và kinh doanh nội địa;
- *Phòng kinh doanh 2:* Phụ trách xuất nhập khẩu hóa chất và nông lâm thủy sản;
- *Phòng Kinh doanh 3:* Khai thác Cảng cạn ICD Quảng Bình – Đỉnh Vũ và hệ thống kho ngoại quan, kho bãi và các dịch vụ khác.

Phòng Kế toán

Phòng Tài chính kế toán thực hiện các chức năng:

Quản lý lao động tiền lương;

Tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản;

Thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư;

Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

Phòng hành chính

Tham mưu cho Ban Giám đốc về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lí lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.

Chi nhánh Quảng Bình

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Chi nhánh Cao Bằng

Chi nhánh đặt tại Tà Lùng - Cao Bằng: là địa điểm kiểm tra tập kết hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cao Bằng.

Văn phòng đại diện tại Móng Cái

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Chi nhánh – Nhà máy NPK

Sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh. Bao gồm các phòng ban:

- *Phòng Kế hoạch Vật tư:* Là phòng nghiệp vụ quản lý vật tư của Công ty, Tổ chức cung ứng vật tư chính. Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, khai thác vật tư.
- *Phòng KCS:* Thực hiện chức năng phân tích chất lượng các sản phẩm của nhà máy, đề xuất với ban lãnh đạo Công ty các vấn đề nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tối ưu

hóa hoạt động của nhà máy NPK.

- **Bộ phận sản xuất:** Phối hợp chặt chẽ với chi nhánh nhà máy NPK để dây chuyền sản xuất diễn ra thuận lợi, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy và sản phẩm cho khách hàng của Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết.

CTCP Quảng Bình Cao Bằng.

- **Địa chỉ:** Khu Kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- **Điện thoại:** 0969 682 539
- **Vốn điều lệ:** 14.000.000.000 VNĐ.
- **Tỷ lệ sở hữu:** 98%
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Buôn bán phân bón hóa chất thông thường; Buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu hàng hóa.

CTCP vật tư và xuất nhập khẩu hóa chất.

- **Địa chỉ:** Số 4, Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- **Điện thoại:** 04.438.256377
- **Vốn điều lệ:** 77.000.000.000 VNĐ.
- **Tỷ lệ sở hữu:** 36,29%
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, hóa chất, máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành hóa chất và ngành kinh tế khác.

CTCP DAP – VINACHEM

- **Địa chỉ:** Lô GI – 7, Khu Kinh tế Đình Vũ, Phường Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng.
- **Điện thoại:** 031.3979368
- **Vốn điều lệ:** 1.461.099.000.000 VNĐ.
- **Tỷ lệ sở hữu:** 19,17%
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Sản xuất phân bón và các sản phẩm Nito, hóa chất cơ bản, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các loại thiết bị công nghiệp, buôn bán các loại phân bón hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.



5. Định hướng phát triển

Mảng sản xuất và thương mại phân bón:

Xuất khẩu :

Tiếp tục phát triển hình ảnh và thương hiệu Công ty cổ phần XNK Quảng bình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón trên thị trường Quốc tế.

Quảng bá và phát triển mạnh các mặt hàng phân bón đặc biệt là những mặt hàng thế mạnh của Công ty như DAP, NPK. Tập trung quảng bá các sản phẩm của nhà máy NPK Đình Vũ ra thị trường khu vực và thế giới để đạt được mục tiêu xuất khẩu 70% công suất của nhà máy NPK.

Tìm kiếm nhập khẩu các sản phẩm phân bón mới, các nguyên liệu trung, vi lượng phục vụ sản xuất NPK của nhà máy NPK Đình Vũ và phục vụ thương mại nội địa.

Giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác của Công ty đồng thời tìm kiếm và phát triển thêm các khách hàng mới trong khu vực và trên thế giới.

Nội Địa:

Đối với mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động Nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.

Đối với sản phẩm NPK Đình Vũ: Củng cố hệ thống phân phối NPK Đình Vũ đã xây dựng, thường xuyên quan tâm chăm sóc mạng lưới đại lý truyền thống, nhằm duy trì và phát triển lượng hàng bán. Đẩy mạnh công tác thị trường, tìm hiểu kỹ đặc tính từng vùng miền, tăng cường các hoạt động như hội thảo với bà con nông dân, thực hiện các mô hình trình diễn, phát thanh huyện xã, quảng cáo truyền hình. . . nhằm quảng bá rộng rãi cho sản phẩm NPK Đình Vũ.



Mảng thương mại hóa chất và nông thủy sản:

Năm 2016 tuy có sự sụt giảm lớn về khối lượng hàng hóa nhập khẩu đặc biệt là Lưu huỳnh và Axit Sulphuric, nhưng đối tượng khách hàng truyền thống vẫn được duy trì và mở rộng thêm được những khách hàng mới từ các thị trường cung cấp hóa chất lớn như Hàn Quốc, Mỹ, Châu Âu,...

Năm vừa qua đánh dấu một bước quan trọng cho sự thâm nhập vào thị trường phân phối thực phẩm, tuy thời gian đầu gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên quý II & IV đã dần ổn định và có lãi, là động lực rất lớn cho sự mở rộng thị trường và doanh thu cho năm 2017.

Cảng cạn và dịch vụ kho bãi:

Đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ :

ICD – Điểm thông quan nội địa, hay còn được gọi là cảng cạn /cảng khô/cảng nội địa. . . là một địa điểm thông quan hàng hóa nằm trong nội địa; giúp cho cảng biển giải phóng hàng nhanh, tăng khả năng thông quan nhờ các dịch vụ đóng gói, lưu kho bãi thủ tục hải quan. . . ICD được coi là một mắt xích quan trọng trong vận tải đa phương thức, góp phần giảm chi phí vận chuyển, giảm thời gian lưu hàng tại cảng.



ICD Quảng Bình – Đình Vũ với tổng diện tích 26 ha tại khu Công nghiệp Đình Vũ – Hải Phòng là dự án trọng điểm mang tính đột phá của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình trong lĩnh vực logistics, là một trong những dự án cảng nội địa lớn nhất Hải Phòng và khu vực miền Bắc.

Trong năm 2016 cơ bản đã hoàn thiện cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ với bãi chứa là 400.000 – 500.000 TEU/năm. Trong quý IV đã hoàn tất chuyển toàn bộ kho ngoại quan về cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, nhằm tận dụng tối đa lợi thế của cảng cạn để khai thác hiệu quả kho ngoại quan. Bên cạnh đó hệ thống kho hàng đông lạnh, Bãi container, máy soi container,... đã đi vào hoạt động. Thời gian hoạt động khai thác của dự án dự kiến là 50 năm.

Dự án giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, có thêm lựa chọn cho việc lưu giữ hàng hóa tại kho bãi, góp phần giảm chi phí cho các doanh nghiệp cũng như giảm tải cho hệ thống cảng biển tại Hải Phòng, thúc đẩy hoạt động của hệ thống cảng biển trên địa bàn phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Chiến lược trung và dài hạn:

- Triển khai chiến lược kinh doanh cốt lõi của Công ty từ năm 2017 đến năm 2022:
 - Hoạch định các kế hoạch quản lý và khai thác vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan
 - Nâng cao hiệu quả vận hành Nhà máy NPK Đình Vũ và đẩy mạnh mức tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy
- Xây dựng, phát triển thương hiệu và hình ảnh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón, cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:

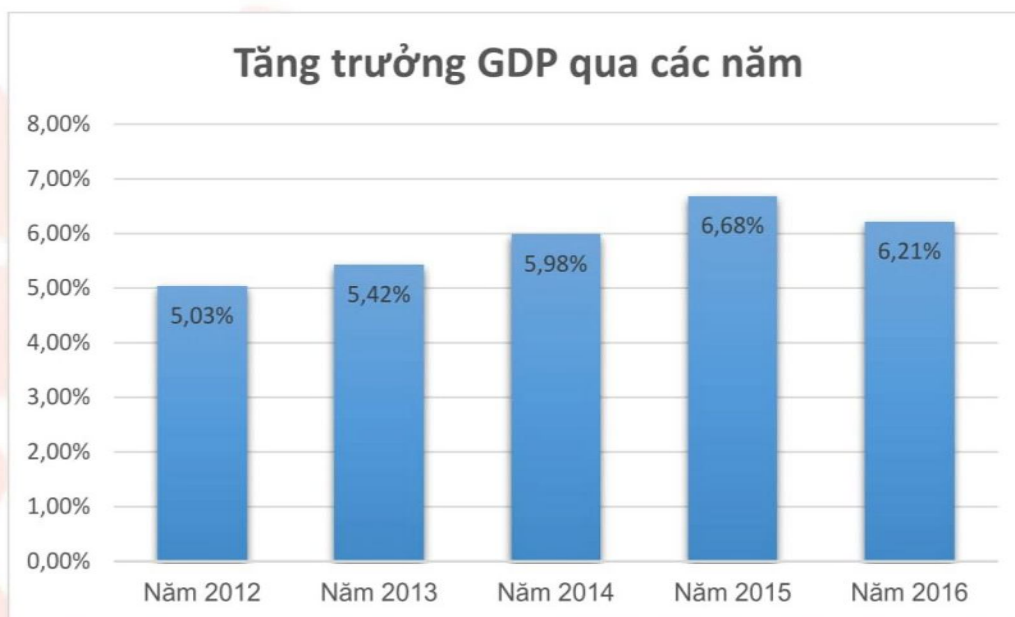
- Tuân thủ đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, quan tâm đến các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.
- Chăm sóc đời sống tinh thần, công đoàn, lương thưởng cho CBNV trong Công ty.



6. Các Rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 tăng 6,21%. Con số này thấp hơn so với mức ước tính 6,3-6,5% được báo cáo trước Quốc hội, cũng như mục tiêu 6,7% được đề ra cho năm nay. Năm 2016 nền kinh tế nước ta phải đối mặt với nhiều rủi ro như: giá cả hàng hóa giảm, nhất là giá dầu chưa ổn định; nợ doanh nghiệp ở nước ta và các nước đang phát triển tăng cao, bất ổn trên các thị trường tài chính gia tăng. Bên cạnh đó, nạn khủng bố lan rộng, cuộc khủng hoảng người di cư châu Âu để lại hậu quả nặng nề, bạo động và bất ổn chính trị trên thế giới vẫn chưa có hồi kết, thiên tai và các bệnh dịch nguy hiểm hoành hành vẫn là những mối nguy hại ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu chung và nền kinh tế nước ta nói riêng.



(Nguồn theo số liệu Tổng cục thống kê)

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2016 tuy không đạt như kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,7%, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường diễn biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón:

Trong năm 2016 tình trạng dư thừa nguồn cung của thị trường thế giới do các nước mở rộng nhà máy sản xuất đang tạo áp lực giảm giá đối với các sản phẩm phân bón nói chung. Năm 2016 là năm chứng kiến giá dầu giảm mạnh và giá khí thiên nhiên tại Mỹ ở mức thấp đã gây tác động đến ngành công nghiệp phân bón trên toàn cầu. Nhiều công ty sản xuất phân bón trên thế giới đang

chuyển nhà máy về Mỹ nhằm tận dụng giá khí thiên nhiên - nguồn nguyên liệu chính của một số loại phân bón .

Giá phân bón trong nước thời gian qua có nhiều biến động và có xu hướng giảm theo giá thế giới, lượng hàng tiêu thụ thấp. Trung Quốc là nước chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu phân bón lớn và có tác động mạnh đến giá cả phân bón của thế giới cũng như trong nước. Thêm vào đó Trung Quốc luôn luôn mở rộng quy mô sản xuất phân bón. Như vậy, sức ép cạnh tranh từ phân đạm nhập khẩu sẽ tiếp tục gia tăng gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, Việt Nam với lợi thế là nước nông nghiệp với diện tích gieo trồng lớn, tiềm năng thị trường các nước lân cận (Lào, Campuchia, Myanmar. . .) triển vọng dài hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón vẫn khả quan, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất chất lượng cao cùng mạng lưới khách hàng ổn định như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Nguyên liệu chính đối với hoạt động này là các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Kali như phân DAP, Ure, Map, Sa. . . Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hằng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước, ký kết các hợp đồng giữ giá nhằm ổn định đầu vào, giảm tác động từ giá nguyên liệu tới hoạt động sản xuất của Công ty.



Rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất :

Do các cơ sở sản xuất nguyên liệu ngành phân bón ngày càng mở rộng, giá nguyên liệu chính cho ngành phân bón có chiều hướng giảm cụ thể: giá Ammonia thời điểm tháng 07/2016 đạt mức 370 USD/tấn, giảm 50% so với mức cao nhất hồi tháng 10/2012. Giá lưu huỳnh khoảng 70 USD – 90 USD/tấn, giảm 60% so với năm 2015. Ure và Amoni sulfat đều được sử dụng phổ biến trong sản xuất phân bón, giá lần lượt 210 USD/tấn và 120 -130 USD/tấn cả hai đều giảm 15% so với năm 2015.

Thị trường hóa chất phục vụ chính cho ngành phân bón năm 2016 có nhiều biến động, trong vòng 10 năm trở lại đây chưa có năm nào giá lại giảm và biến động như năm nay.

Nguyên nhân từ sự biến động sụt giảm trên là do yếu tố cung cầu của thị trường phân bón DAP, NP, NPK. . . thêm vào đó là sự xuống giá trầm trọng của hàng Nông sản, giá dầu đã kéo theo chuỗi giá trị của hàng hóa chất cơ bản phục vụ phân bón.

Tuy nhiên, do hầu hết các thương vụ của QBS cho mặt hàng trên là tham dự thầu, thắng thầu trong nước mới nhập khẩu nên sự tác động xấu đến hoạt động kinh doanh là có nhưng không lớn.

Rủi ro trong lĩnh vực dịch vụ :

Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Ngày 25/3/2015, Nhà nước đã ban hành Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về việc quản lý trong lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn lan các kho ngoại quan, qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát triển rõ ràng. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan

khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể. Với tiềm lực tài chính bền vững và mối quan hệ chặt chẽ với địa phương, Công ty CP XNK Quảng Bình luôn đảm bảo bám sát các tiêu chuẩn, yêu cầu do các Bộ - Ban – Ngành đề ra, mặt khác duy trì hệ thống khách hàng ổn định, giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trên thị trường.



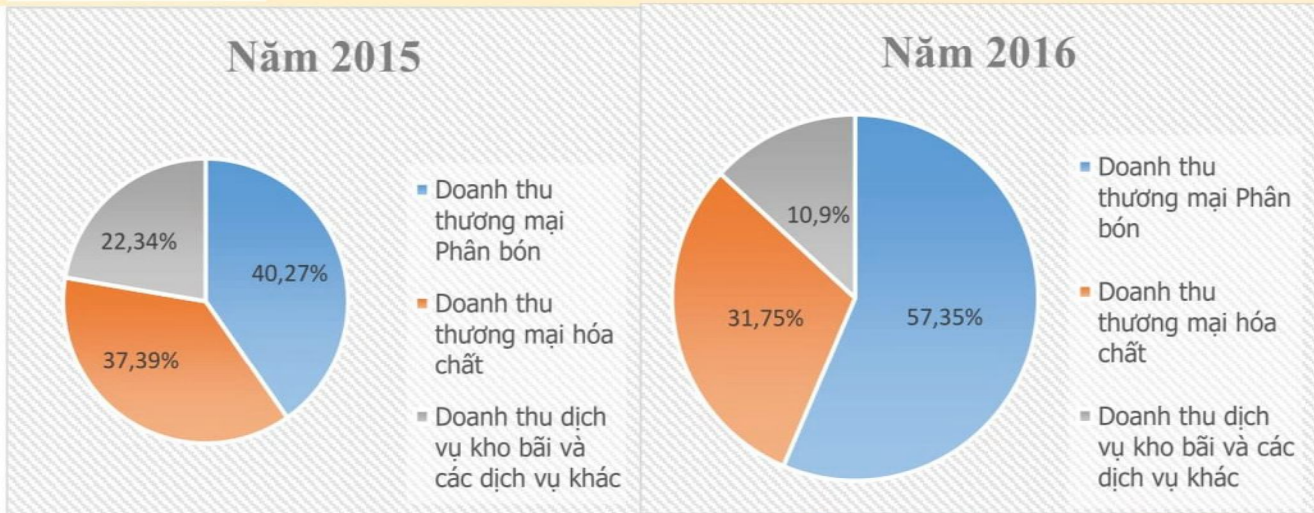
II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2016/Năm 2015
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.517	4.495	128%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	3.319	4.300	130%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100,52	17,89	18%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	77,28	13,56	18%

Kết quả kinh doanh năm 2016 công ty đạt gần 4.495 tỷ đồng doanh thu, vượt 18% kế hoạch (3.800 tỷ đồng) năm. Giá vốn hàng bán chiếm 4.300 tỷ đồng tăng 29,5% so với năm 2015. Tuy doanh thu tăng, nhưng lợi nhuận sau thuế cả năm đạt 13,56 tỷ đồng, hoàn thành 16,34% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm mà ĐHCĐ đề ra (83 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận giảm sút một phần do công ty đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính vào CTCP Dap Vinachem (DDV), CTCP Vật tư và XNK Hóa chất. Bên cạnh đó, mảng phân lân nung chảy tuy đã có đơn hàng thường xuyên và ổn định, nhưng từ tháng 9/2016 lại chịu thuế xuất khẩu 5%.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	TH2016/TH2015
1	Cơ cấu doanh thu				
-	Doanh thu từ thương mại Phân bón	Tỷ đồng	1.416	2.578	182,53%
-	Doanh thu từ thương mại hóa chất	Tỷ đồng	1.315	1.427	108,52%
-	Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác	Tỷ đồng	785	490	76,51%
2	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	3.517	4.495	127,81%



(Biểu đồ cơ cấu doanh thu năm 2015, 2016)

Trong cơ cấu tổng doanh thu của công ty thì doanh thu từ mảng thương mại phân bón chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng phát triển qua các năm. Cụ thể năm 2015 doanh thu mảng này đạt 1.416.215 triệu đồng chiếm 40,27%, năm 2016 doanh thu đạt 2.578.640 triệu đồng chiếm 57,35% tăng đáng kể so với năm trước đó. Tiếp theo là mảng doanh thu thương mại hóa chất tăng nhẹ về giá trị nhưng lại giảm về tỷ trọng cụ thể năm 2015 đạt 1.315 tỷ đồng chiếm 37,39%, năm 2016 đạt 1.427 tỷ đồng chiếm 31,75%. Còn lại là doanh thu từ nhóm ngành dịch vụ kho bãi và thương mại khác.



2. Tổ chức nhân sự

Hội đồng quản trị



Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ngày sinh: 12/02/1977.
- Địa chỉ: Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 9.200.579 cổ phần chiếm 13,27%

Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1999 - 2006	Công ty CP Hảo Mỹ	Nhân viên kinh doanh
2007 – 30/04/2014	Công ty CP XNK Quảng Bình	Giám đốc
04/2014 – Nay	Công ty CP XNK Quảng Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
12/2014 - Nay	Công ty CP DAP-Vinachem	Thành viên HĐQT
10/2015 - Nay	Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất	Chủ tịch HĐQT



Bà Bùi Thị Ngọc

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- Ngày sinh: 10/04/1967
- Địa chỉ: Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 14,950 cổ phần chiếm 0.02%

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
03/1986 – 10/2007	Công ty CP XNK Súc sản Gia Cầm	Nhân viên
12/2007 – 03/2011	Công ty CP XNK Súc sản Gia Cầm	Kế toán trưởng
03/2011 – 03/2012	Công ty CP Khoáng sản Miền Trung	Kế toán nội bộ
04/2014 – 09/2015	Công ty CP XNK Quảng Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
12/2014 - nay	Công ty CP DAP - VINACHEM	Thành viên Ban Kiểm soát


Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 28/12/1984
- Địa chỉ: Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ/ Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Số lượng cổ phần: 517.250 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,75%

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2009 - 04/2014	Công ty CP XNK Quảng Bình	Giám đốc kinh doanh
04/2014 - nay	Công ty CP XNK Quảng Bình	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc kinh doanh


Ông Phạm Sỹ Thạc

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 06/06/1984
- Địa chỉ: Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Văn hóa du lịch

- Số lượng cổ phần: 305.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,44%.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/2011 - 04/2014	Công ty CP XNK Quảng Bình	Chuyên viên xuất nhập khẩu
04/2014 - 10/2015	Công ty CP XNK Quảng Bình	Phó Giám đốc kinh doanh
10/2015 - nay	Công ty CP XNK Quảng Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Hóa chất và Nông thủy sản



Ông Nguyễn Văn Khoái

- Chức vụ: Thành viên HĐQT độc lập
- Ngày sinh: 06/03/1951
- Địa chỉ: Số 93 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng cổ phần: 2.000.000 cổ phần chiếm 2,88%

Những thay đổi nhân sự trong năm 2016

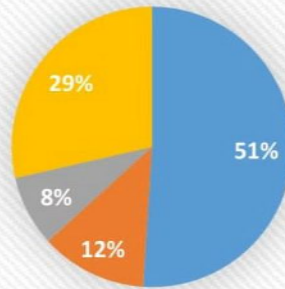
Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị công ty ngày 31/05/2016/BB-HĐQT quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Bình làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần XNK Quảng Bình – Nhà máy NPK Đình Vũ.

Thống kê nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	80	44,44%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	22	12,22%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	18	10,00%
4	Lao động phổ thông	60	33,33%
II	Theo giới tính		

1	Nam	118	66.33%
2	Nữ	62	33.67%
Tổng cộng		180	100.00%

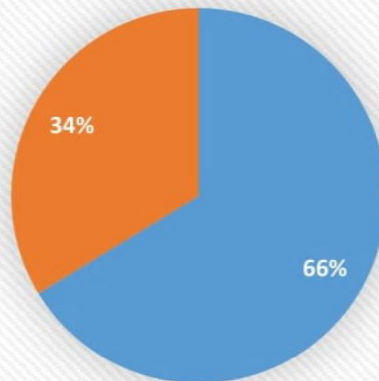
Cơ cấu trình độ lao động 2016



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo giới tính.

Cơ cấu lao động theo giới tính



- Nam
- Nữ

Chính sách đối với người lao động

Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng định mức lương theo sản lượng và khoán theo công việc.

- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: áp dụng lương tính theo sản lượng làm được trong tháng.
- Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp: hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng tới kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật và tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất để phục vụ tốt hơn cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng các quy trình xử phạt đối với hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Công tác đời sống đối với CBCNV: Luôn được Công ty quan tâm và chú trọng:

- Mức thu nhập bình quân một người lao động là xấp xỉ 5.500.000 đồng/ tháng.
- Thường xuyên tổ chức và hỗ trợ kinh phí cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát, hoạt động ngoài giờ.
- Trợ cấp cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời và đúng đối tượng.

Tham gia mua BHXH, BHYT, BH thất nghiệp và Bảo hiểm tai nạn 24/24 đầy đủ cho CBCNV.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

Các khoản đầu tư

Dự án Nhà máy NPK:

Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án Nhà máy NPK đến ngày 31/12/2016

- Tiến độ chuẩn bị dự án: Đã hoàn thiện 95%
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử: Đã hoàn thiện 95%
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Chính thức hoạt động tháng 12/2014

Tiến độ góp vốn đầu tư

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu	55.360.448.774	128.980.847.043
2	Mua máy móc, thiết bị, nguyên		1.848.225.112

liệu trả chậm		
Cộng	55.360.448.774	130.829.072.155

Dự án Cảng ICD Quảng Bình – Đình Vũ

Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án Cảng ICD Quảng Bình – Đình Vũ đến ngày 31/12/2016

- Tiến độ chuẩn bị dự án: Giai đoạn 1: Đã hoàn thiện 80%
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử: Đã hoàn thiện 80%
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Chưa đi vào giai đoạn vận hành thương mại.

Tiến độ góp vốn đầu tư.

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến
			thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu	187.203.229.455	237.636.154.455
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng	160.363.825.085	160.363.825.085
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		2.671.673.016
	Cộng	347.567.054.540	400.671.652.556

3. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính trong năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch
				2016/2015
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.464	2.235	90,67%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.517	4.495	128,00%
Lợi nhuận từ hoạt động	Tỷ đồng	93,61	16,69	17,83%

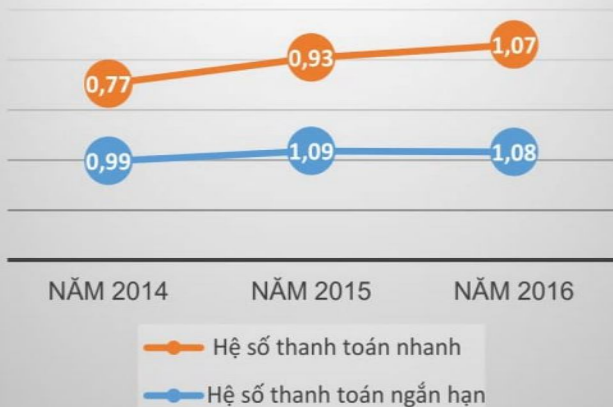
kinh doanh				
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	6,91	1,20	17,37%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100,52	17,89	17,93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	77,28	13,56	17,55%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

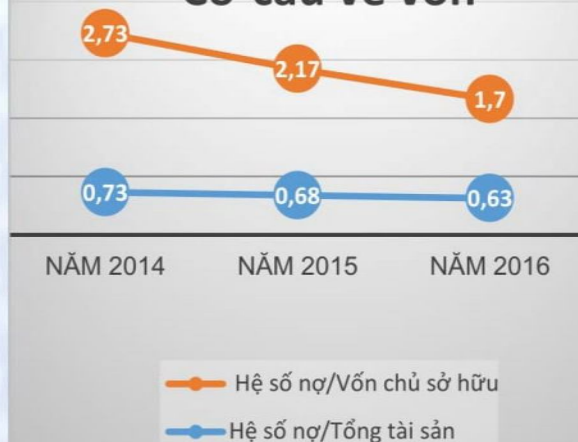
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,93	1,07
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,68	0,63
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,17	1,7
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	12,84	21,41
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,43	2,01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,02	0,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1	1,6
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,03	0,06
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,03	0,04



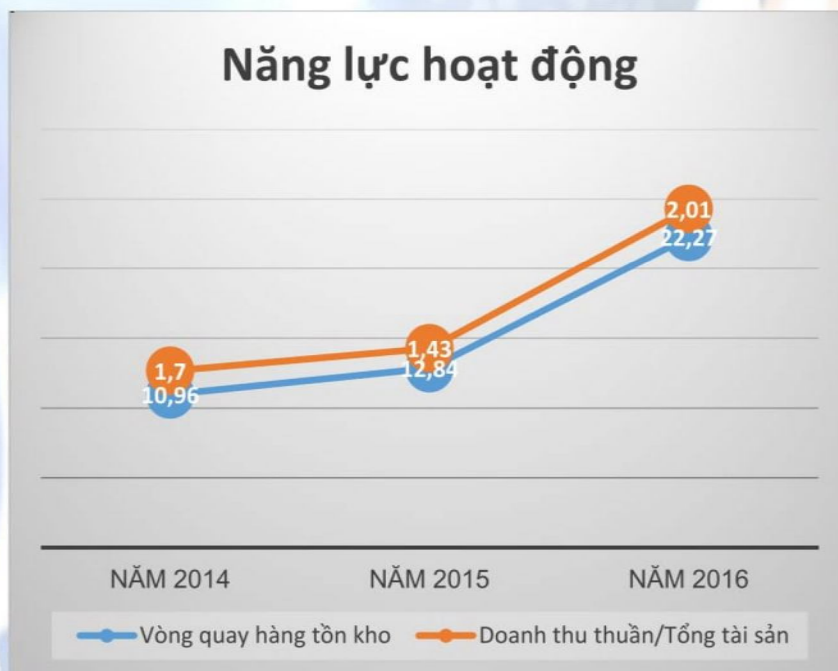
Khả năng thanh toán



Cơ cấu về vốn



Năng lực hoạt động



4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu:

- Vốn điều lệ: 693.299.280.000 đồng
- Số cổ phần đang lưu hành: 69.329.928 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông: 69.329.928 cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu ưu đãi: 0 Cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông của công ty

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông sáng lập	11.223.579	16,19%
	Trong nước	11.223.579	16,19%
	Nước ngoài	0	0%
3	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	24.668.529	35,58%
	Trong nước	19.200.579	27,69%
	Nước ngoài	5.467.950	7,89%
4	Cổ đông khác	44.661.399	64,42%
	Trong nước	44.259.880	60,32%
	Nước ngoài	401.519	4,10%
	TỔNG CỘNG	69.329.928	

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Thanh Bình	031073000555	327 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	10.000.000	14,42%
Nguyễn Thị Thanh Hương	031177000067	Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	9.200.579	13,27%
DANIEL RODNEY BADGER	IA9603	188 John Street Lidcombe New South Wales Australia 2141	5.467.950	7,89%



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ hiện tại là 639.999.280.000 đồng.

- Phương án phát hành: Phát hành cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và tổ chức trong nước có năng lực tài chính phù hợp.
- Giá phát hành: Dự kiến không thấp hơn 10.000 đồng/cp
- Số lượng phát hành: 17.300.000 cổ phần


Tháng 10/2016, Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường thông qua sửa đổi phương án sử dụng vốn trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên gần 640 tỷ đồng. Đồng thời, thông qua phương án phát hành riêng lẻ chào bán 17,3 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ gần 640 tỷ đồng lên gần 813 tỷ đồng. Thời gian thực hiện do HĐQT cân nhắc thời điểm phù hợp.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là một năm có nhiều thử thách đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Cụ thể những bất ổn về chính trị và xã hội tại một số nền kinh tế hàng đầu thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế năm qua. Bên cạnh đó, làn sóng bảo hộ mậu dịch đang có xu hướng gia tăng dẫn đến kim ngạch thương mại toàn cầu có nguy cơ sụt giảm. Trong bối cảnh đó Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình cũng đã nỗ lực, đoàn kết đạt được những kết quả nhất định trong năm qua.

Những thuận lợi và khó khăn mà công ty gặp phải trong năm qua.

Thuận lợi	Khó Khăn
<ul style="list-style-type: none"> - Công ty đã có 10 năm hình thành và phát triển đã khẳng định được uy tín, năng lực cạnh tranh với thị trường. Được khách hàng và đối tác tin tưởng và ủng hộ. - Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV luôn cố gắng đổi mới, mở rộng thị trường, mở rộng quy mô quản lý và tham gia lĩnh vực lợi thế phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường phân bón cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều nhà máy sản xuất phân bón nhỏ lẻ ra đời, trong khi việc quản lý hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường vẫn chưa được tốt. - Nhà máy phân bón trong nước chưa ổn định về công nghệ, dự đoán giá nguyên liệu đầu vào chưa tốt, chưa mở rộng được nhiều thị trường mới... các nhà máy trên vẫn còn mới đi vào sản xuất, khấu hao máy móc còn nhiều dẫn đến không cạnh tranh về cả chất lượng và giá thành. - Ngoài ra, Thị trường xuất khẩu phân bón lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Nga, Canada... tăng sản lượng, giá phân bón trên thị trường liên tục giảm. - Kho Ngoại quan có vị trí xa các cảng container, cơ sở vật chất xuống cấp, trang thiết bị hạn chế. Kho ICD Quảng Bình - Đình Vũ chưa đưa vào khai thác được.



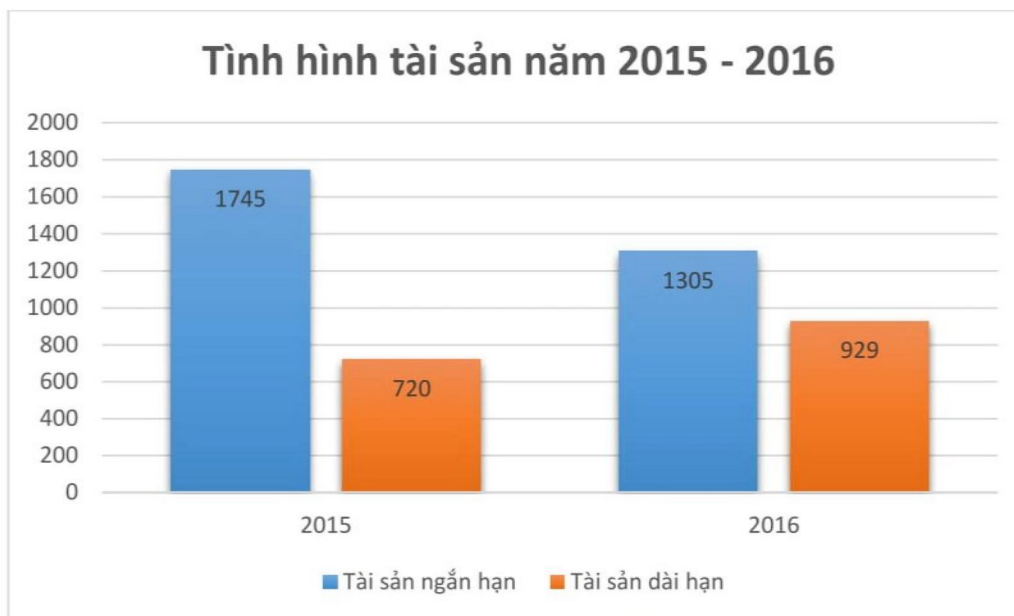
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh
1	Vốn điều lệ		693.299.280.000	
2	Doanh thu: <i>Trong đó:</i> - Doanh thu từ thương mại Phân bón - Doanh thu từ thương mại hóa chất - Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác	3.800.000.000.000	4.495.269.552.785 2.578.187.667.369 1.427.040.572.617 490.041.312.799	118%
3	Lợi nhuận sau thuế	83.000.000.000	13.560.899.357	16,34%

Trong năm 2016 doanh thu công ty tăng 118% so với kế hoạch đã đề ra. Nhưng lợi nhuận giảm do năm 2016 đã phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính của Cty CP Dap Vinachem, Cty CP Vật tư và XNK Hóa chất. Phần trích lập dự phòng này đã làm tăng chi phí tài chính năm 2016 qua đó là giảm lợi nhuận sau thuế. Bên cạnh đó, mảng phân lân nung chảy tuy đã có đơn hàng thường xuyên và ổn định, nhưng từ tháng 9/2016 lại chịu thuế xuất khẩu 5%.

2. Tình hình tài chính năm 2016
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	1.744.838.330.786	71	1.305.348.707.650	58,42	75
Tài sản dài hạn	719.676.403.292	29	929.215.075.985	41,58	129
Tổng tài sản	2.464.524.734.078	100	2.234.563.783.635	100	91

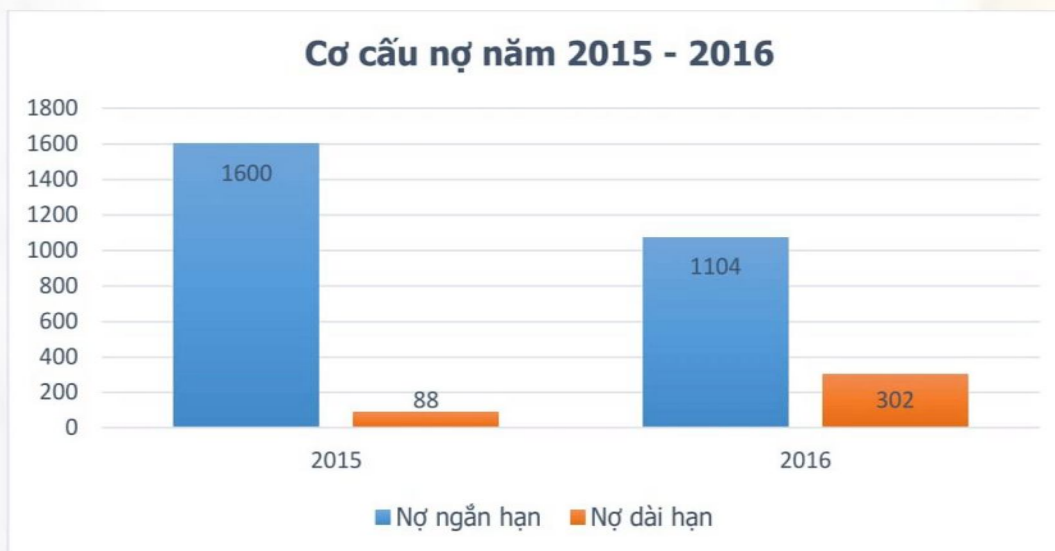


Trong năm 2016 tổng tài sản giảm 8,5% so với năm 2015. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm mạnh nhất do khoản tiền mặt và phải thu ngắn hạn khách hàng giảm đáng kể so với năm 2015. Tuy nhiên tài sản dài hạn tăng 29% so với năm 2015 nguyên nhân do tài sản cố định và tài sản đầu tư vào công ty liên kết tăng mạnh.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	1.599.812.760.926	95	1.104.393.874.235	79	69
Nợ dài hạn	88.376.193.080	5	302.085.235.085	21	342
Tổng nợ phải trả	1.688.188.954.006	100	1.406.479.109.320	100	84





Tổng nợ phải trả năm 2016 giảm 15,71% so với năm 2015. Trong đó nợ ngắn hạn giảm gần 495 tỷ đồng tương đương 31,96% so với năm trước nguyên nhân là do khoản nợ vay thuê tài chính ngắn hạn, người mua trả tiền trước giảm mạnh. Nợ dài hạn tăng 342% so với năm trước, điều này cho thấy doanh nghiệp đang chuyển đổi cơ cấu nợ theo hướng ổn định lâu dài giảm áp lực nợ ngắn hạn, tăng nợ dài hạn tạo sự ổn định cho quản trị dòng tiền.

3. Đánh giá công tác quản lý, chính sách và tổ chức trong năm 2016

Quản lý chất lượng ISO: Cuối năm 2015 Công ty đã ban hành hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008 và đưa vào áp dụng trong năm 2016.

Chính sách khen thưởng: Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của công ty.

Quản lý Nhân sự: Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2017

Các chỉ tiêu kế hoạch 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.900
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	85
3	Cổ tức	%	5

Năm 2017 dự báo cũng sẽ là một năm đầy thách thức với nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình. Do vậy, Công ty cũng đặt mục tiêu doanh thu năm nay là 3.900 tỷ đồng cao hơn năm 2016 và bằng 85% kế hoạch thực hiện năm 2016.

Theo như tờ trình xin ý kiến Đại hội cổ đông bằng văn bản ngày 09/01/2017, Hội đồng quản trị đã đề xuất xin thông qua chiến lược kinh doanh cốt lõi của Công ty từ năm 2017 đến năm 2022, cụ thể:

- Quản lý và khai thác vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan.
- Nâng cao hiệu quả vận hành Nhà máy NPK Đình Vũ và đẩy mạnh mức tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy.

Căn cứ theo chiến lược kinh doanh đã được Đại hội cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017, cụ thể như sau:

Vận hành và tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy NPK Đình Vũ



Trong sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm:

- Vận dụng các quy chế, qui trình để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, sản phẩm đạt chất lượng cao.
- Tận dụng kinh nghiệm, giảm thiểu tối đa thời gian dừng máy, thời gian bảo dưỡng định kỳ. Chủ động chuẩn bị đủ các chi tiết, vật tư, phụ tùng luôn sẵn sàng cho công tác bảo dưỡng.
- Nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm, sản xuất phải theo yêu cầu của thị trường.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ vận hành – bảo dưỡng nhà máy theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.

Trong kinh doanh, tiếp thị thị trường:

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện hệ thống phân phối, mở rộng đội ngũ vận tải để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh. Đối với các thị trường đã có, phải tiếp tục giữ vững thị phần.
- Tổ chức tốt công tác theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường và tình hình tiêu thụ trong nước và quốc tế để có biện pháp điều chỉnh giá bán cho phù hợp.
- Thường xuyên rà soát lại hệ thống khách hàng, quản lý chặt hệ thống đại lý tránh bán hàng tràn vùng, bán phá giá. Kiên quyết xử lý những trường hợp cố tình để giữ vững thị trường.
- Hướng tới phát triển nhân viên thị trường bám sát từng địa phương, từng vùng tiêu thụ để nắm bắt nhanh nhất các vấn đề thị trường, đưa ra phương án xử lý tốt nhất.
- Xây dựng kế hoạch thị trường, marketing hợp lý, phù hợp với từng vùng, từng thời điểm. Đẩy mạnh quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm hàm lượng cao.

Quản lý và khai thác vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan, dịch vụ tạm nhập tái xuất và các dịch vụ khác

- Kho ngoại quan được chính thức di chuyển xuống ICD từ cuối tháng 12/2016 và đang hoạt động rất tốt, thu hút được thêm nhiều khách hàng và hàng hóa, cung cấp dịch vụ đa dạng và giá trị cao, có nhiều lợi thế đáng để khách hàng quan tâm: vị trí địa lý thuận tiện, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đồng bộ, chất lượng dịch vụ không ngừng được nâng cao.
- Thị trường hàng hóa TNTX và gửi KNQ đang ấm dần lên do chính sách biên mậu ổn định.
- Việc đầu tư ngày càng nhiều các dự án hạ tầng giao thông của Thành phố Hải Phòng càng thể hiện rõ sự dịch chuyển của hàng hóa và cảng biển về khu vực Đình Vũ, ICD Quảng Bình - Đình Vũ với vị trí đắc địa hứa hẹn trở thành trung tâm logistics của cả khu vực và địa điểm trung chuyển hàng hóa đi khắp các tỉnh phía Bắc.

Các mảng kinh doanh khác

- Theo dõi sát sao tình hình thị trường hơn nữa, đảm bảo kế hoạch hàng hóa được liên tục, thông suốt đối với các mặt hàng thương mại nội địa để có hàng liên tục chào bán khách hàng.
- Bên cạnh một số mặt hàng truyền thống như SA, Urea, Kali,... phát triển thêm một số mặt hàng khác là các sản phẩm phân bón trung vi lượng như Magie Sulphate, Kẽm Sulphate, Borax,...
- Với các mặt hàng thương mại quốc tế, tập trung mở rộng phát triển thêm khách hàng ngoài những khách hàng đã có.



IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế

Năm 2016 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới. Các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản hay Liên minh châu Âu gặp nhiều khó khăn. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến cung cầu hàng hóa trên thế giới. Cùng những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, các cuộc xung đột, thiên tai – dịch bệnh ... đã tạo ra một năm 2016 đầy khó khăn cho kinh tế thế giới.

Bất chấp những khó khăn của nền kinh tế thế giới, năm 2016 Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao là 6,21%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn so với kế hoạch đặt ra đầu năm của Chính phủ là 6,7% và so với năm 2015 là 6,68%. Để duy trì một tốc độ tăng trưởng tốt thì Chính phủ đã cam kết tiếp tục cải cách thể chế cũng như đẩy mạnh quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới.



2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Thương mại phân bón nội địa

Tình hình thị trường phân bón nội địa năm 2016 ít sôi nổi hơn so với tín hiệu của cùng kỳ năm 2015 do chịu tác động chung của thị trường phân bón Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh một số khách hàng cũ, công ty cũng phát triển thêm một số khách hàng và mặt hàng mới, đa dạng trong chủng loại mặt hàng, tạo độ tin cậy cho khách hàng hơn nữa.

Bên cạnh nguồn hàng công ty cung cấp, công ty cũng đã tìm kiếm và phát triển thêm một số nhà cung cấp mới, chủ động và đảm bảo nguồn hàng sẵn sàng khi có đơn hàng mới.

Thương mại phân bón quốc tế

Mặc dù năm 2016, hoạt động thương mại phân bón của công ty chịu nhiều tác động xấu từ thị trường phân bón thế giới nhưng công ty đã cố gắng để duy trì và tìm kiếm các đơn hàng mới, đảm bảo tối đa doanh thu và lợi nhuận.

Từ cuối năm 2016, tình hình thị trường có nhiều dấu hiệu khả quan, giá cả các mặt hàng đã bắt đầu tăng dần, thị trường đã bắt đầu khởi động lại, hứa hẹn nhiều tiềm năng mới cho xuất nhập khẩu phân bón.

2 mặt hàng DAP và FMP hiện vẫn là dòng hàng chủ lực của hoạt động thương mại quốc tế. Căn cứ chuyển biến tích cực của thị trường trong giai đoạn cuối năm 2016 – đầu năm 2017, Công ty sẽ thúc đẩy phát triển hơn nữa 2 mặt hàng này.

Dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan, dịch vụ tạm nhập tái xuất, khai báo hải quan và các dịch vụ khác

Năm 2016 là một năm vô cùng khó khăn của lĩnh vực xuất nhập khẩu nói chung và của Kho Ngoại Quan Quảng Bình nói riêng, tuy nhiên, bằng nỗ lực vượt bậc, bộ phận kinh doanh dịch vụ XNK của công ty đã cơ bản hoàn thành được các mục tiêu, kế hoạch đề ra, là một trong những kho ngoại quan hàng đầu của cả khu vực phía Bắc.

Dự án cảng cạn ICD Quảng Bình Đình Vũ: hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn tất thủ tục di chuyển kho ngoại quan từ vị trí cũ về địa điểm mới với nhiều lợi thế vượt bậc; tiếp tục kiện toàn các điều kiện để được công bố ICD. Căn cứ tình hình phát triển về cơ sở hạ tầng giao thông của Hải Phòng trong những năm gần đây, dự án ICD càng khẳng định đã đi đúng hướng, đón đầu sự phát triển và tận dụng được các lợi thế của thành phố cảng.

Hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy NPK Đình Vũ

Việc quản lý vận hành máy móc an toàn, theo đúng quy trình, nhưng còn thiếu tính ổn định và hiệu quả. Trong năm 2016, dù không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào, nhưng dây chuyền sản xuất không đạt 100% công suất.

Trong thời điểm vào vụ, sản xuất vẫn chưa đáp ứng được số lượng yêu cầu của thị trường, nguyên nhân một phần do số lượng công nhân vận hành dây chuyền chưa ổn định.

Lượng sản phẩm hao hụt trong quá trình sản xuất giảm so với năm 2015 nhưng vẫn chiếm tỉ lệ cao.

Hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy NPK Đình Vũ

Doanh số sản phẩm NPK năm 2016 đã có sự tăng trưởng mạnh, thị trường được mở rộng cả trong nước và xuất khẩu; nếu công suất nhà máy cao hơn, chắc chắn số lượng hàng tiêu thụ sẽ còn lớn hơn. Việc phát triển thêm các dòng sản phẩm hàm lượng cao, bổ sung trung vi lượng khẳng định hướng đi đúng đắn của Nhà máy, vì đây là xu hướng và cũng là dòng sản phẩm mang lại lợi nhuận cao.

Đội ngũ thị trường dù có nhiều kinh nghiệm, nhưng còn mỏng về số lượng.

Cần nâng cao hiệu quả của các công tác hỗ trợ bán hàng như: vận tải, bốc xếp... hơn nữa vì trong thời gian cao điểm của mùa vụ, lượng hàng khách lấy rất lớn.

Các hoạt động đầu tư tài chính

Trong năm vừa qua, theo tình hình thực tế của ngành phân bón hóa chất, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã họp và đưa ra kế hoạch tái cơ cấu các danh mục đầu tư tài chính. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thoái vốn đầu tư của Công ty CP XNK Quảng Bình tại Công ty cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu Hóa chất (Công ty con) và giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của QBS tại Công ty cổ phần DAP VINACHEM.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

QBS thành lập được 10 năm với đội ngũ Ban Tổng Giám đốc và bộ máy lãnh đạo trẻ, tuy nhiên Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm trên thị trường phân bón, cảng biển cũng như kinh nghiệm quản lý điều hành hiệu quả trong công việc và trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật và phương hướng của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình thị trường phân bón, hóa chất gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã có những chiến lược và chủ động đưa các phương án kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

4. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Tập trung triển khai chiến lược kinh doanh cốt lõi từ năm 2017 đến năm 2022:

Hoạch định các kế hoạch quản lý và khai thác vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan.

Nâng cao hiệu quả vận hành Nhà máy NPK Đình Vũ và đẩy mạnh mức tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Xây dựng, phát triển thương hiệu và hình ảnh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón, cảng cạn ICD Quảng Bình Đình Vũ.

5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ
Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2016

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT	17	100%
2	Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	17	100%
3	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	17	100%
4	Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	17	100%
5	Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên HĐQT	17	100%

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị tiến hành họp 17 lần, tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ để thông qua các quyết định quan trọng của công ty như kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh. Năm 2016 Hội đồng quản trị không có sự thay đổi về nhân sự.

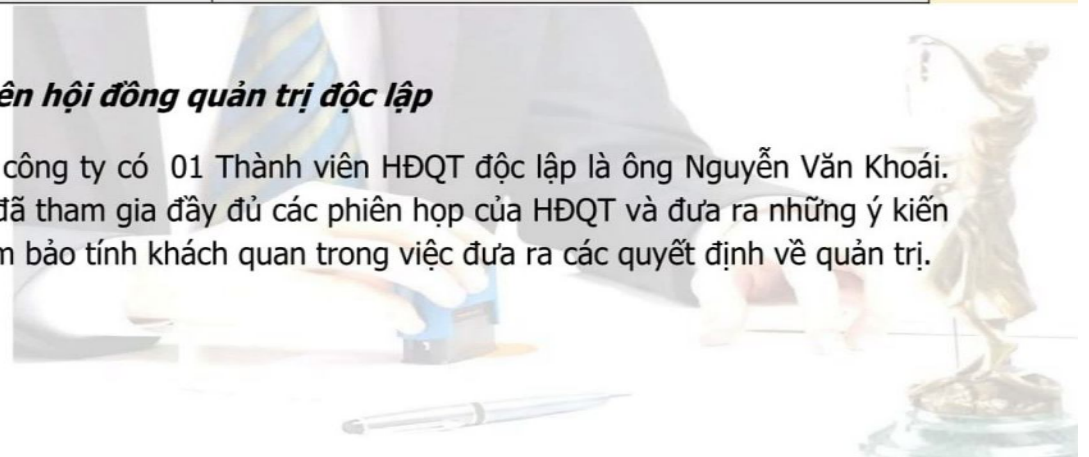
Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-01/2016/NQ - HĐQT	07/01/2016	Thông qua tạm ứng bằng cổ tức 2015 bằng tiền mặt
2	02-01/2016/NQ - HĐQT	18/01/2016	Vay vốn và tín chấp tại Ngân hàng Viettinbank Hải Phòng
3	03-01/2016/NQ - HĐQT	05/02/2016	Thông qua việc bổ sung hạn mức tín dụng
4	01-02/2016/NQ - HĐQT	20/02/2016	Gia hạn thời gian thực hiện đăng ký mua DDV

5	01-03/2016/NQ - HĐQT	19/03/2016	Triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên 2016
6	02-04/2016/NQ - HĐQT	11/04/2016	Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông
7	02-04/2016/NQ - HĐQT	20/04/2016	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2016
8	01-05/2016/NQ - HĐQT	30/05/2016	Thông qua phương án cấp hạn mức tín dụng tại Bangkok Bank
9	02-05/2016/NQ - HĐQT	31/05/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách đối ngoại
10	01-06/2016/NQ - HĐQT	22/06/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016
11	01-08/2016/NQ - HĐQT	27/08/2016	Thông qua chốt danh sách cổ đông họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2016
12	01-09/2016/NQ - HĐQT	06/09/2016	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2016
13	02-09/2016/NQ - HĐQT	13/09/2016	Thoái vốn đầu tư của Công ty CP XNK Quảng Bình tại CTCP Vật tư và Xuất Nhập khẩu Hóa Chất.
14	01-11/2016/NQ - HĐQT	24/11/2016	Thực hiện và triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ.
15	01-12/2016/NQ - HĐQT	14/12/2016	Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án thay đổi ngành kinh doanh
16	02-12/2016/NQ - HĐQT	28/12/2016	Thông qua mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư và lịch trình thực hiện việc phát hành.
17	03-12/2016/NQ - HĐQT	30/12/2016	Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập

Hiện nay, trong HĐQT của công ty có 01 Thành viên HĐQT độc lập là ông Nguyễn Văn Khoái. Trong năm qua ông Khoái đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập của mình nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc đưa ra các quyết định về quản trị.



2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban kiểm soát	3.450 cổ phiếu	0,00
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	TV Ban kiểm soát	305.750 cổ phiếu	0,44
3	Vũ Hồng Nhung	TV Ban kiểm soát	1.725 cổ phiếu	0,00

Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 :

Tham gia các cuộc họp với Hội đồng quản trị, liên hệ với cổ đông, nhận và xử lý các văn bản liên quan đến BKS từ HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông.

Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của công ty, việc lập báo cáo và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm, giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến tài chính, đầu tư, sử dụng vốn, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh...vv

Rà soát việc lập và ban hành các văn bản pháp lý, quy trình quy chế của công ty, giám sát việc tuân thủ pháp luật về tổ chức hoạt động công ty, công bố thông tin, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động v.v... Kiểm tra giám sát việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện các công việc liên quan đến Báo cáo của BKS, họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và tiến hành nhiệm vụ giám sát theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

Trong quá trình thực hiện công việc kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban điều hành, đồng thời có các ý kiến, kiến nghị phù hợp để HĐQT, Ban điều hành lưu ý trong quá trình quản trị Công ty.

Ngoài ra, các thành viên BKS cũng thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin để nắm bắt kịp thời các hoạt động và tình hình tài chính của công ty, chủ động trong công việc được giao và phối hợp tốt để hoàn thành nhiệm vụ chung của BKS.

Kiểm tra số liệu báo cáo tài chính hàng Tháng, Quý, Năm. Ban kiểm soát đã làm việc và phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam trong quá trình thẩm định số liệu BCTC năm 2016.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính 2016 :

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện	Thực hiện	So sánh
		năm 2015	năm 2016	2016/2015
1	Doanh thu	3.516.965.227.923	4.495.269.552.785	127,8%
2	Giá vốn hàng bán	3.319.406.785.443	4.300.198.680.212	129,5%
3	Chi phí tài chính	45.035.291.282	160.823.420.864	357,1%
4	Chi phí bán hàng	54.730.713.684	30.070.491.244	54,9%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.512.380.684	33.541.719.585	248,2%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	100.521.684.255	17.894.918.417	17,8%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	77.277.864.956	13.560.899.357	17,5%

Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực	TH/KH
			2016	hiện năm 2016	
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng		693	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.800	4.495,27	118,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	83	13,56	16,3%

Nhận xét, đánh giá :

Doanh thu Công ty Hợp nhất năm 2016 đã đạt và vượt kế hoạch 118,3%. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế 2016 chỉ đạt 16,34% kế hoạch. Nguyên nhân do năm 2016 Công ty CP XNK Quảng Bình đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính trên khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM và Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất. Khoản trích lập này làm tăng chi phí tài chính, dẫn đến lợi nhuận sau thuế 2016 giảm 86,44%.

Báo cáo tài chính năm 2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam đã phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam.

So với thời điểm 31/12/2015, tổng tài sản giảm 9,3% so với năm 2015, vốn chủ sở hữu tăng 6,7% so với năm 2016. Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, với các nhà đầu tư và nhà cung cấp, đảm bảo các chế độ cho người lao động như lương, thưởng, phúc lợi khác.

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2016:

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy việc quản lý điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc được tiến hành với sự cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty.

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành 17 cuộc họp với các hình thức trực tiếp tại Trụ sở QBS hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 17 Nghị quyết. Nội dung, trình tự các cuộc họp và việc ban hành nghị quyết HĐQT đã được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2016 đã sớm kiện toàn bộ máy, chỉ đạo điều hành nhiệm vụ đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật. Ban điều hành đã chủ động, sáng tạo và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của QBS năm 2016. Tuy hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 nhưng vẫn có những chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, cần phát huy và rút kinh nghiệm để tạo tiền đề cho sự phát triển của QBS trong các năm tiếp theo.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐ

Thù lao của Hội đồng quản trị.

- Tổng số thành viên HĐQT: 05 thành viên
- Tổng thù lao: **403.200.000 đồng** (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

Thù lao của Ban kiểm soát.

- Chi phí của hoạt động BKS : không
- Thù lao của của BKS là: **192.000.000 đồng**.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên người nội bộ/người liên quan	Chức vụ	Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
Nguyễn Văn Phương	Em Trai (CT.HĐQT)	Thỏa thuận	1.000.000	27/01/2016	1.000.000	0	0
Phạm Sỹ Thạc	TV HĐQT	Thỏa thuận và khớp lệnh	220.180	07/08/2016	14.950	235.130	0,34
Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT	Thỏa thuận và khớp lệnh	500.000	18/08/2016	17.250	517.250	0,75
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	TV BKS	Thỏa thuận và khớp lệnh	300.000	16/08/2016	5.750	305.750	0,44

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**1. Đánh giá về trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng xã hội năm 2016****Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu về môi trường:**

Với dây chuyền sản xuất tiên tiến được nhập khẩu nguyên chiếc từ Đức, có hệ thống lọc bụi tay áo đảm bảo việc phối trộn sản phẩm NPK Đình Vũ không gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh nhà máy. Công nghệ sản xuất không thải bụi, không nước thải, không khí thải hay hóa chất ra môi trường. Tuy nhiên tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty và nhà máy đã lập cam kết bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống bể lọc nước thải sinh hoạt chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra ngoài, chất thải rắn, nguy hại được tiêu hủy đúng quy định.

Công ty sử dụng công nghệ tạo hạt mang tính chất cơ lý, khi trộn các thành phần với nhau ở nhiệt độ thường và có phun nước tạo ẩm để các thành phần kết dính với nhau thành hạt, không có xảy ra phản ứng hoá học nào, vì vậy không phát thải.

Tuy nhiên sau khi tạo hạt phải sấy khô nên có sử dụng lò đốt than, khí thải chủ yếu là CO₂ và bụi. Phần xử lý bụi được sử dụng công nghệ lọc tay áo, đây là công nghệ xử lý bụi tiên tiến nhất hiện nay, hồi được sẽ quay trở lại tạo hạt, vì đây chính là nguyên liệu. Phần khí CO₂ trước khi thải ra ngoài được hấp thụ bởi hệ thống ventury đảm bảo các nồng độ cho phép trong khí thải, không gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.



Đánh giá thực hiện trách nhiệm đối với người lao động:

Công ty phối hợp với các ban ngành, tổ chức như Cục thuế, VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp, PCCC... tổ chức các buổi học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như vệ sinh an toàn lao động, tập huấn phòng cháy chữa cháy, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về thuế, lao động, kê khai hải quan, nghiệp vụ xuất nhập khẩu.... Bên cạnh đó Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Tổ chức các chương trình nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên Công ty như: sinh nhật, liên hoan các ngày lễ 8/3, 20/10, lễ chùa, du lịch, thi văn nghệ...

Đánh giá thực hiện trách nhiệm với xã hội:

Tặng 60 suất quà cho các gia đình khó khăn có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại xã Tân Dương, Đông Sơn, Hòa Bình (huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng)

Tặng 53 suất quà cho các hộ nghèo của phường Hạ Lý, phường Trại Chuối – quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Phối hợp cùng chùa Hồng Phúc (Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng) tặng hơn 300 suất quà tết cho bệnh nhân tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần huyện Vĩnh Bảo.

Tổ chức chương trình từ thiện tại Điện Biên, Yên Bái (2 lần/năm), chủ yếu mang lương thực, thực phẩm và những đồ dùng thiết yếu cho thầy trò trường PTDT tiểu học bán trú Huổi Mí (Hừa Ngài, Mường Chà, Điện Biên), các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (Yên Bái)

Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho các lao động trên địa bàn.



2. Mục tiêu phát triển bền vững

Xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên ở xa, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu việc tiêu hao năng lượng từ đèn chiếu sáng, điều hòa, đảm bảo vệ sinh an toàn trong lao động, sinh hoạt và ăn uống.

Hỗ trợ bà con nông dân xung quanh Nhà máy sản phẩm phân bón phù hợp với cây trồng của bà con nông dân, đẩy mạnh phong trào xanh sạch đẹp.

Cùng các chuyên gia nghiên cứu nâng cao hệ thống dây truyền máy móc, giảm thiểu tối đa sức lao động con người, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao công suất nhà máy, chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh phong trào an sinh xã hội, phối hợp với các đơn vị tổ chức, ban ngành như Hội chữ thập đỏ, Liên đoàn lao động, Sở thương binh xã hội một số tỉnh thành, địa phương, đặc biệt là khu vực miền núi và miền trung.

3. Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chính để sản xuất phân bón NPK là Kali, Đạm, Ure, SA supe lân, DAP. Những nguyên liệu Nhà máy nhập vào để sản xuất phân bón NPK đều là những nguyên liệu thành phẩm do Công ty nhập về và được kiểm tra chặt chẽ nên không gây hại cho môi trường cũng như sức khỏe.

Tiêu thụ nước:

Nguồn nước cung cấp cho bộ phận sản xuất và bộ phận văn phòng từ Nhà máy nước. Căn cứ trên hệ thống xử lý nước thải, hệ thống là hệ thống tuần hoàn khép kín, sau khi nước thải sản xuất sinh hoạt, nước mưa bề mặt được xử lý có thể tái sử dụng làm nguồn nước để phun rửa, nước phục vụ cho sản xuất. Giảm mức tiêu thụ nước, giảm thiểu chất thải ra ngoài môi trường.

Về công tác nhân sự:

Thống kê nhân sự:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Số lượng lao động	107	180
2	Lương bình quân	4.650.000	5.500.000

Chính sách lương thưởng – nhân sự

Tăng lương định kỳ 6 tháng 1 lần, hoặc theo năng lực làm việc. Mức đóng bảo hiểm và mức lương cũng tăng theo mức lương cơ bản tăng của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng ưu tiên những người có kinh nghiệm, ứng viên ngay trên địa bàn.

Chính sách phúc lợi

Chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, BHTN: Công ty tham gia đầy đủ cho CBNV

Khám sức khỏe định kỳ, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp và cải thiện môi trường làm việc. Tổ chức khám định kỳ, trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động. Thuê đơn vị

dọn dẹp vệ sinh môi trường, xử lý rác thải đảm bảo một môi trường xanh sạch đẹp.
Phối hợp cùng công đoàn hỗ trợ kinh phí cho hoạt động văn hóa, phong trào văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch cho CBNV.

Các hoạt động ngoài giờ như: 20/10, 08/03, Trung thu, Tết.

Chính sách đào tạo

Huấn luyện hàng năm về An toàn – Vệ sinh lao động.

Phối hợp cùng Phòng Cảnh sát PCCC địa phương huấn luyện trực tiếp tại công ty. Tổ chức học và cấp chứng chỉ phòng cháy chữa cháy và vệ sinh an toàn lao động hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho CBNV học tập và phát triển kỹ năng và sự nghiệp.

Phối hợp với các đơn vị khác tổ chức các khóa học như: nâng cao khả năng quản trị doanh nghiệp,....

Những hoạt động và đóng góp của Công ty với xã hội và cộng đồng.



Tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn cũng như các địa bàn khác lên đến gần 1 tỷ đồng.

Cung cấp các sản phẩm cho các công trình công ích, bà con nông dân xung quanh khu vực sản xuất.

Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho các lao động trên địa bàn.

Phối hợp phổ biến, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về Kế hoạch hóa gia đình, HIV AIDS, Ma túy,....

Vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa. Tặng quà cho các CBNV khó khăn, gia đình chính sách.

Kêu gọi CBNV quyên góp 1 ngày lương ủng hộ đồng bào miền Trung.

Hỗ trợ Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-42

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Vũ Hồng Nhung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588
Fax: (+84 4) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 239/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam**Ngô Quang Tiến**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0448-2014-126-1

Nguyễn Bảo Trung

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.305.348.707.650	1.744.838.330.786
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	254.451.111.627	350.115.550.587
111	1. Tiền		90.746.869.576	151.015.550.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		163.704.242.051	199.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.000.000.000	17.000.000.000
121	0. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	0. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.000.000.000	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		877.792.117.301	1.109.467.197.309
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	227.299.272.983	216.403.145.556
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	594.890.875.116	823.726.711.780
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	59.290.561.594	73.431.223.323
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.688.592.392)	(4.093.883.350)
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	126.865.583.767	258.463.169.672
141	1. Hàng tồn kho		126.865.583.767	258.463.169.672
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.239.894.955	9.792.413.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.891.864.437	432.164.156
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.669.871.295	8.775.262.306
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	7.678.159.223	584.986.756
154	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		929.215.075.985	719.676.403.292
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	20.801.325.640
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
212	0. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
213	0. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	0. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	0. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	21.290.450.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	(489.124.360)
220	II. Tài sản cố định		272.675.170.946	171.237.137.554
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.899.729.507	87.295.974.024
222	- Nguyên giá		239.769.888.824	125.049.613.196
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53.870.159.317)	(37.753.639.172)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

224	1. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	86.775.441.439	83.941.163.530
228	- Nguyên giá		86.820.441.439	83.986.163.530
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.000.000)	(45.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	60.380.817.701	168.637.354.885
241	0. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		60.380.817.701	168.637.354.885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	200.547.912.600	238.375.513.760
251	0. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	0. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	238.375.513.760
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(94.541.382.045)	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		395.611.174.738	120.625.071.453
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	326.753.467.751	11.054.927.711
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.a	-	-
263	1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	1. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	2. Lợi thế thương mại		68.857.706.987	109.570.143.742
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.234.563.783.635	2.464.514.734.078

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.406.479.109.320	1.688.188.954.006
310	I. Nợ ngắn hạn		1.104.393.874.235	1.599.812.760.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	233.053.534.423	201.215.685.257
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.032.192.077	334.677.078.084
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	438.026.795	10.069.992.610
314	4. Phải trả người lao động		823.374.808	744.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	348.628.543	990.555.556
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	5. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.285.704.139	14.304.207.456
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	854.806.253.986	1.037.885.749.316
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.606.159.464	(74.507.353)
323	8. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		302.085.235.085	88.376.193.080
331	0. Phải trả người bán dài hạn	14	-	-
332	0. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	0. Chi phí phải trả dài hạn	b)	-	-
334	0. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	0. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	47.500.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	302.037.735.085	88.123.720.000
339	2. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	252.473.080
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		828.084.674.315	776.325.780.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	828.084.674.315	776.325.780.072
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	639.999.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	639.999.280.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.001.100.000)	(5.666.100.000)
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	2. Cổ phiếu quỹ		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

416	2.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	2.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	7.727.786.496	-
419	3.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	80.151.676.197	112.113.839.769
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>	<i>68.306.032.587</i>	<i>33.899.680.613</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>11.845.643.610</i>	<i>78.214.159.156</i>
422	4.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
429	6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	49.907.031.622	29.878.760.303
430	II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
431	0.	Nguồn kinh phí	-	-
432	0.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.234.563.783.635	2.464.514.734.078


Trịnh Thị Thanh Huyền
 Người lập


Bùi Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.495.722.405.785	3.516.965.227.923
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		452.853.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.495.269.552.785	3.516.965.227.923
11	4. Giá vốn hàng bán	21	4.300.198.680.212	3.319.406.785.443
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.070.872.573	197.558.442.480
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	46.055.109.985	9.328.650.339
22	7. Chi phí tài chính	23	160.823.420.864	45.035.291.282
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		61.270.498.326	34.458.394.597
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	30.070.491.244	54.730.713.684
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33.541.719.585	13.512.380.684
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.690.350.865	93.608.707.169
31	12. Thu nhập khác		2.472.411.957	8.071.843.223
32	13. Chi phí khác		1.267.844.405	1.158.866.137
40	14. Lợi nhuận khác		1.204.567.552	6.912.977.086
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.894.918.417	100.521.684.255
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.586.492.140	22.991.346.219
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	(252.473.080)	252.473.080
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.560.899.357</u>	<u>77.277.864.956</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		11.826.307.169	78.214.159.156
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.734.592.188	(936.294.200)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	185	2.002



Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

 Năm 2016
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.894.918.417	100.521.684.255
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.661.380.818	6.585.885.665
03	- Các khoản dự phòng		93.646.966.727	(460.875.640)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.242.245.517	(348.601.808)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.413.296.021)	(4.970.884.208)
06	- Chi phí lãi vay		61.270.498.326	34.458.394.597
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.302.713.784	135.785.602.861
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		307.202.993.817	(278.846.151.355)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		131.597.585.905	(28.681.147.846)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(309.332.391.484)	(240.453.722.537)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(324.002.227.836)	(2.005.353.629)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(62.404.352.352)	(34.855.691.097)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.554.165.690)	(28.647.750.763)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	38.522.594.911
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(163.000.000)	(43.070.575.034)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(115.352.843.856)	(482.252.194.489)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(46.138.326.131)	(18.965.652.991)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(56.713.780.885)	(125.338.088.862)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		62.921.750.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.668.595.159	3.758.312.296
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.261.761.857)	(142.545.429.557)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		55.965.000.000	266.408.900.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.017.649.854.436	2.192.365.464.609
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.986.815.334.681)	(1.498.707.449.527)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.999.964.000)	(16.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		54.799.555.755	944.066.915.082

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.815.049.958)	319.269.291.036
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		350.115.550.587	30.497.658.543
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		150.610.998	348.601.008
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>254.451.111.627</u>	<u>350.115.550.587</u>



Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 693,299,280,000 đồng; tương đương 69,329,928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm và đầu tư hệ thống kho bãi ngoại quan như cảng ICD Đình Vũ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Phục Hòa, Cao Bằng	98,00%	98,00%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	Hà Nội	36,29%	51,00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo nghị quyết số 02-09/2016/NQ-HĐQT ngày 13/09/2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình thực hiện chuyển nhượng 1.132.500 cổ phiếu (trung ứng 14,71% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất cho 02 nhà đầu tư cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau chuyển nhượng là 36,29%. Tháng 11/2016, Công ty đã được 02 nhà đầu tư cá nhân trên ủy quyền đại diện phần vốn của họ tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty sau ngày ủy quyền là 51%, Công ty tiếp tục chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư và XNK Hóa chất. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên báo cáo tài chính riêng và được hợp nhất là công ty con trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.772.338.544	7.239.320.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.974.531.032	143.776.230.314
Các khoản tương đương tiền (*)	163.704.242.051	199.100.000.000
	254.451.111.627	350.115.550.587

(*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, chi tiết như sau:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, số tiền gửi là 104.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tư tỷ đồng chẵn), kỳ hạn gửi 03 tháng với lãi suất cố định là 4%/năm;
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, số tiền gửi là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), kỳ hạn gửi 03 tháng với lãi suất cố định là 4,6%/năm, khoản tiền gửi được tự động gia hạn;
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hà Nội có kỳ hạn 01 tháng, lãi nhập gốc. Khoản tiền gửi được tự động gia hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

1) CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760
	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760

2) ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760
	295.089.294.645	200.547.912.600	(94.541.382.045)	238.375.513.760

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	101.294.446	35.094.265.840
Công ty TNHH Hoàng Trung	31.521.655.913	57.094.595.850
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	19.749.687.889	21.367.154.849
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	30.410.278.881	-
Công ty Sw Intertrade Trading	24.797.359.446	-
Công ty TNHH MTV TM&DV Lưu Tấn Dũng	27.048.120.588	27.048.120.588
Ông Nguyễn Lã Thảo	24.000.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	69.670.875.820	75.799.008.429
	227.299.272.983	216.403.145.556
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	227.299.272.983	216.403.145.556
	227.299.272.983	216.403.145.556
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	101.294.446	35.094.265.840

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	-	-	131.450.779.054	-
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	-	76.042.998.079	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	168.673.963.097	-	410.420.040.697	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	40.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư AFC	99.701.750.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	40.000.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	246.515.162.019	-	205.812.893.950	-
	594.890.875.116	-	823.726.711.780	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	6.208.371.017	-	713.273.200	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.770.667.422	-	2.735.516.560	-
Phải thu lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	3.762.650.648	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	69.258.314	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	221.305	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	213.040	-
Tạm ứng	12.413.023.085	-	7.727.546.511	-
Ký cược, ký quỹ	31.075.237.237	-	24.058.386.425	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	2.006.017.341	-	33.584.534.014	-
Phải thu khác	1.054.594.844	-	4.542.273.954	-
	59.290.561.594	-	73.431.223.323	-
b) Dài hạn				
Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	21.290.450.000	(489.124.360)
	-	-	21.290.450.000	(489.124.360)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Các khoản khác	3.910.970.435	222.378.043	4.636.499.635	542.616.285
	3.910.970.435	222.378.043	4.636.499.635	542.616.285

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.934.087.696	-	9.237.045.922	-
Công cụ, dụng cụ	447.774.691	-	214.639.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.793.767.533	-	2.355.919.147	-
Thành phẩm	20.571.236.598	-	16.024.592.652	-
Hàng hoá	76.118.717.249	-	230.630.972.452	-
	126.865.583.767	-	258.463.169.672	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	60.175.602.399	168.637.354.885
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thùy Nguyên	205.215.302	36.327.991.881
- Dự án Kho Ngoại quan Lào Cai	-	24.937.500.000
- Dự án Xây dựng kho nội địa 2	-	25.146.000.000
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng	-	82.000.000.000
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	60.175.602.399	-
- Dự án khác	-	225.863.004
	60.380.817.701	168.637.354.885

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

3, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	112.055.497.967	953.983.362	10.374.861.273	1.665.270.594	-	-	-	-	-	-	125.049.613.196	
Mua trong năm	-	823.379.545	18.991.647.300	379.475.864	-	-	-	-	-	-	20.194.502.709	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.959.100.544	60.483.674.379	-	-	-	-	-	-	-	-	83.442.774.923	
Tặng khác	7.245.546.296	2.172.286.071	1.665.165.629	-	-	-	-	-	-	-	11.082.997.996	
Phân loại lại	(3.186.352.041)	3.186.352.041	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	139.073.792.766	67.619.675.398	31.031.674.202	2.044.746.458	-	-	-	-	-	-	239.769.888.824	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	34.895.023.735	364.806.963	2.007.945.763	485.862.711	-	-	-	-	-	-	37.753.639.172	
Khấu hao trong năm	6.522.011.245	651.202.200	1.942.503.422	271.719.250	-	-	-	-	-	-	9.387.436.117	
Tặng khác	3.858.431.465	1.662.339.469	1.208.313.094	-	-	-	-	-	-	-	6.729.084.028	
Phân loại lại	(230.903.372)	230.903.372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	45.044.563.073	2.909.252.004	5.158.762.279	757.581.961	-	-	-	-	-	-	53.870.159.317	
Giá trị còn lại	32.208.575.440	2.026.541.191	2.136.981.623	1.179.407.883	-	-	-	-	-	-	87.295.974.024	
Tại ngày đầu năm	77.160.474.232	589.176.399	8.366.915.510	1.179.407.883	-	-	-	-	-	-	87.295.974.024	
Tại ngày cuối năm	94.029.229.693	64.710.423.394	25.872.911.923	1.287.164.497	-	-	-	-	-	-	185.899.729.507	
Trong đó:												
-												
-												

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.048.988.602 đồng.
Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 558.444.360 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	83.941.163.530	45.000.000	83.986.163.530
Mua trong năm	2.834.277.909	-	2.834.277.909
Số dư cuối năm	86.775.441.439	45.000.000	86.820.441.439
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Số dư cuối năm	-	45.000.000	45.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	83.941.163.530	-	83.941.163.530
Tại ngày cuối năm	86.775.441.439	-	86.775.441.439

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.867.712.010	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	265.819.092	432.164.156
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	758.333.335	-
	8.891.864.437	432.164.156
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	314.640.611.052	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	1.423.361.624	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.262.202.347	4.160.101.987
Chi phí sửa chữa tài sản	2.478.768.704	3.539.470.872
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	1.039.318.111	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	909.205.913	3.355.354.852
	326.753.467.751	11.054.927.711

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Marubeni	28.996.717.355	28.996.717.355	131.163.382.241	131.163.382.241
Công ty TNHH Hiệp Quang	-	-	23.139.322.014	23.139.322.014
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	153.361.399.576	153.361.399.576	-	-
Phải trả các đối tượng khác	50.695.417.492	50.695.417.492	46.912.981.002	46.912.981.002
	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả ngắn hạn	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257
	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

3, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	435.112.369	11.454.024.471	11.457.342.081	435.112.369	91.119.050	332.492.705
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.686.764.417	1.719.940.510	-	33.176.093	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	140.356.219	9.541.745.892	4.520.316.798	21.554.165.690	140.356.219	7.553.864.080	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	93.134.349	1.506.767.424	1.505.385.812	82.959.899	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.891.388.435	6.809.985.407	-	-	24.131.062
Các loại thuế khác	444.630.537	-	-	-	444.630.537	-	81.403.028
	584.986.756	10.069.992.610	26.059.261.545	43.046.819.500	1.103.059.024	7.678.159.223	438.026.795

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	348.628.543	915.555.556
- Chi phí phải trả khác	-	75.000.000
	<u>348.628.543</u>	<u>990.555.556</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	82.057.509	20.354.972
- Phải trả về cổ phần hoá	833.000.000	833.000.000
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam	4.739.922.009	4.739.922.009
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất khẩu	1.628.840.178	7.975.892.905
- Liên danh Trảng Thi	1.483.411.930	186.314.291
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	518.472.513	548.723.279
	<u>9.285.704.139</u>	<u>14.304.207.456</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	47.500.000	-
	<u>47.500.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng...	1.037.258.109.316	1.037.258.109.316	2.659.662.973.257	2.849.789.348.587	847.131.733.986	847.131.733.986
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	478.040.000.000	478.040.000.000	427.362.102.500	652.802.102.500	252.600.000.000	252.600.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	-	-	93.034.500.000	37.179.000.000	55.855.500.000	55.855.500.000
Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	104.096.556.335	104.096.556.335	456.802.140.000	375.802.696.335	185.096.000.000	185.096.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	20.100.000.000	20.100.000.000	432.771.512.660	303.288.012.660	149.583.500.000	149.583.500.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	4.746.527.270	4.746.527.270	441.495.470	5.188.022.740	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	262.882.335.700	262.882.335.700	941.619.905.718	1.071.696.041.418	132.806.200.000	132.806.200.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.810.301.972	4.810.301.972	119.038.468.668	123.848.770.640	-	-
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	13.515.754.947	13.515.754.947	11.365.917.539	24.881.672.486	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.495.351.743	5.495.351.743	18.177.845.222	23.673.196.965	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁶⁾	24.147.681.349	24.147.681.349	85.642.237.839	98.163.385.202	11.626.533.986	11.626.533.986
Ngân hàng NN&PT Nông thôn - Chi nhánh Thủ Đức ⁽⁷⁾	117.423.600.000	117.423.600.000	58.000.000.000	117.423.600.000	58.000.000.000	58.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUÁNG BÌNH

33, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

· VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (tiếp)						
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	-	15.262.847.641	15.262.847.641	-	-
- Vay các cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	144.000.000	580.000.000	1.564.000.000	1.564.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	627.640.000	627.640.000	7.674.520.000	627.640.000	7.674.520.000	7.674.520.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	253.000.000	253.000.000	-	253.000.000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả ...	-	-	299.880.000	-	299.880.000	299.880.000
	1.037.885.749.316	1.037.885.749.316	2.667.337.493.257	2.850.416.988.587	854.806.253.986	854.806.253.986

G TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁶⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁹⁾	1.123.720.000	1.123.720.000	200.000	374.640.000	749.280.000	749.280.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	-	-	160.363.825.085	-	160.363.825.085	160.363.825.085
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹¹⁾	-	-	1.499.400.000	574.770.000	924.630.000	924.630.000
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	88.123.720.000	88.123.720.000	221.863.425.085	7.949.410.000	302.037.735.085	302.037.735.085

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201500558 ngày 14/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 495.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 - 2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng được xác định kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/10/2016. Thời hạn vay được quy định chi tiết trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay áp dụng theo chính sách của Agribank tại từng thời điểm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 252600000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bảo lãnh của bên thứ 3.
- (2) Hợp đồng tín dụng số BBL-HN/03/2016 ngày 14/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 6.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Tài trợ mua nguyên vật liệu và các nhu cầu vốn khác phục vụ sản xuất kinh doanh hóa chất và các sản phẩm phân bón;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay từ 04 tháng đến 1 năm, được xác định theo mục đích khoản vay;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định cụ thể theo từng lần nhận nợ và theo mục đích khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 55855500000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số HN/LO2015/0048 ngày 15/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 7.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay bằng USD được xác định bằng chi phí vốn + 2%/năm; lãi suất vay bằng VND được xác định bằng lãi suất VND + 2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 185096000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, bao gồm thế chấp các khoản phải thu với giá trị 4.500.000 USD và đặt cọc khi thực hiện mở LC.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 130741.15.251.831595.TD ngày 15/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại phân bón, hóa chất, các nguyên liệu khác phục vụ hoạt động sản xuất phân bón trong 2015, 2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp tín dụng đến 31/10/2016;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 149583500000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ các phương án và các tài sản đảm bảo độc lập khác đủ điều kiện thế chấp theo quy định của MB từng thời kỳ.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HỆTDHM/NHCT160-QBS ngày 18/01/2016, với các điều khoản sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng đối với khoản nợ kinh doanh thương mại và 06 tháng đối với khoản nợ để sản xuất phân bón;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 0.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (tiếp)

- (6) Hợp đồng tín dụng số 10.11.16.012 ngày 27/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015-2016 đối với hoạt động thương mại là kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất và máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05 tháng, trả nợ gốc cuối kỳ ngày 26/5/2017; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 5.7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11626533986.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Công nợ phải thu tương ứng với hợp đồng bán ra theo phụ lục số 11 Hợp đồng 01-2016/HĐKT/VN/TS ngày 05/01/2016 với Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng, giá trị hợp đồng là: 11.987.893.514 đồng
- (7) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201500660 ngày 18/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015-2016 đối với hoạt động thương mại là kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất và máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng, trả nợ gốc cuối kỳ ngày 23/4/2017;
 - + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 58000000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Công nợ phải thu tương ứng với hợp đồng bán ra với Công ty CP XNK Quảng Bình: hợp đồng số 22/2016/HĐB/HC-QBF ngày 22/11/2016, giá trị hợp đồng: 30.550.000.000 đồng; hợp đồng số 25/2016/HĐB/HC-QBF ngày 25/11/2016, giá trị hợp đồng: 28.717.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (8) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF ngày 03/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HĐVV/ĐN-QBF ngày 20/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền vay: 140.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 31/12/2017; Thời hạn của khoản vay theo Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 27/11/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay được đảm bảo theo hình tín chấp.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 502.14.251.831595.TD ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.873.200.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe BMW 528i;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi với số tiền là 90.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn: (tiếp)

- (10) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015, với các điều khoản sau:
- + Hạn mức tín dụng: 231.495.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Các khoản nợ được dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay các khoản nợ là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.
- (11) Hợp đồng tín dụng số 10.11.15.136.01 ngày 25/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.499.400.000 đồng;
 - + Mục đích vay: thanh toán cho tiền mua xe ô tô cho Công ty TNHH Toyota Hải Phòng theo Hợp đồng mua xe số 021/HĐKT-2016 ngày 29/12/2015;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05 năm; trả nợ gốc, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 6,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1224510000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	320.000.000.000	-	-	-	-	-	97.898.960.613	-	279.498.849	-	418.178.459.462
Tăng vốn trong năm trước	319.999.280.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	319.999.280.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	78.214.159.156	-	(936.294.200)	-	77.277.864.956
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(63.999.280.000)	-	-	-	(63.999.280.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	30.535.555.654	-	30.535.555.654
Giảm khác	-	(5.666.100.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.666.100.000)
Số dư cuối năm trước	639.999.280.000	(5.666.100.000)	-	-	-	-	112.113.839.769	-	29.878.760.303	-	776.325.780.072
Số dư đầu năm nay	639.999.280.000	(5.666.100.000)	-	-	-	-	112.113.839.769	-	29.878.760.303	-	776.325.780.072
Tăng vốn trong năm nay	53.300.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53.300.000.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	11.826.307.169	-	1.734.592.188	-	13.560.899.357
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	7.727.786.496	-	(43.591.643.744)	-	-	-	(35.863.857.248)
Tăng khác	-	-	-	2.665.000.000	-	-	-	-	18.293.679.131	-	20.958.679.131
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(196.826.997)	-	-	-	(196.826.997)
Số dư cuối năm nay	693.299.280.000	(3.001.100.000)	-	(3.001.100.000)	7.727.786.496	-	80.151.676.197	-	49.907.031.622	-	828.084.674.315

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-HĐCD ngày 29/04/2016 và số 02/2016/NQ-HĐCD ngày 08/10/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83,44%	77.277.864.956
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	7.727.786.496
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	3.863.893.248
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	41,41%	31.999.964.000
Lợi nhuận chưa phân phối	27,03%	20.886.235.252

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	14,42%	100.000.000.000	15,63%	100.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	14,38%	92.005.790.000
Ông Daniel Rodney Badger	7,69%	53.300.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	64,62%	447.993.490.000	70,00%	447.993.490.000
	100%	693.299.280.000	100%	639.999.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	639.999.280.000
- Vốn góp đầu năm	639.999.280.000	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	53.300.000.000	319.999.280.000
- Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	639.999.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.999.964.000	16.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	31.999.964.000	16.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	63.999.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	63.999.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	63.999.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	63.999.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	63.999.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.727.786.496	-
	7.727.786.496	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	4.333.111.520.059	3.411.526.445.123
Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.610.885.726	105.438.782.800
	4.495.722.405.785	3.516.965.227.923

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.284.977.193.848	3.311.213.864.106
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.221.486.364	8.192.921.337
	<u>4.300.198.680.212</u>	<u>3.319.406.785.443</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.180.496.021	4.970.884.208
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	15.344.843.133	-
Lãi bán các khoản đầu tư	23.274.365.284	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.523.250.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.732.155.547	4.357.766.131
	<u>46.055.109.985</u>	<u>9.328.650.339</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	61.270.498.326	34.458.394.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.248.461.156	10.085.802.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.242.245.517	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	94.052.257.685	489.124.360
Chi phí tài chính khác	9.958.180	1.969.690
	<u>160.823.420.864</u>	<u>45.035.291.282</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.625.499	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.689.712	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.330.357.555	51.082.461.254
Chi phí khác bằng tiền	1.931.818.478	3.648.252.430
	<u>30.070.491.244</u>	<u>54.730.713.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	452.261.513	-
Chi phí nhân công	8.601.924.017	4.073.641.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.406.855.341	2.343.832.544
Thuế, phí, lệ phí	3.615.299.620	-
Hoàn nhập dự phòng	(405.290.958)	(650.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.286.812.230	4.382.156.212
Chi phí khác bằng tiền	15.583.857.822	3.362.750.418
	<u>33.541.719.585</u>	<u>13.512.380.684</u>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.586.492.140	22.991.346.219
	<u>4.586.492.140</u>	<u>22.991.346.219</u>

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	252.473.080
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(252.473.080)	-
	<u>(252.473.080)</u>	<u>252.473.080</u>

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.826.307.169	78.214.159.156
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.826.307.169	78.214.159.156
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	64.029.133	39.066.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>185</u>	<u>2.002</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.465.051.309	32.121.778.970
Chi phí nhân công	10.538.983.917	5.380.206.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.387.436.117	6.585.885.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.029.903.401	57.720.270.636
Chi phí khác bằng tiền	15.768.967.481	7.873.065.862
	133.190.342.225	109.681.207.794

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	254.451.111.627	-	350.115.550.587	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.589.834.577	(3.688.592.392)	311.124.818.879	(4.583.007.710)
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	295.089.294.645	(94.541.382.045)	238.375.513.760	-
	853.130.240.849	(98.229.974.437)	916.615.883.226	(4.583.007.710)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay và nợ	1.156.843.989.071	1.126.009.469.316
Phải trả người bán, phải trả khác	242.386.738.562	215.519.892.713
Chi phí phải trả	348.628.543	990.555.556
	1.399.579.356.176	1.342.519.917.585

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	254.451.111.627	-	-	254.451.111.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	282.901.242.185	-	-	282.901.242.185
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn		200.547.912.600	-	200.547.912.600
	554.352.353.812	200.547.912.600	-	754.900.266.412
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.115.550.587	-	-	350.115.550.587
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.740.485.529	20.801.325.640	-	306.541.811.169
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	238.375.513.760	-	238.375.513.760
	652.856.036.116	259.176.839.400	-	912.032.875.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	854.806.253.986	141.673.910.000	160.363.825.085	1.156.843.989.071
Phải trả người bán, phải trả khác	242.339.238.562	47.500.000	-	242.386.738.562
Chi phí phải trả	348.628.543	-	-	348.628.543
	<u>1.097.494.121.091</u>	<u>141.721.410.000</u>	<u>160.363.825.085</u>	<u>1.399.579.356.176</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.037.885.749.316	88.123.720.000	-	1.126.009.469.316
Phải trả người bán, phải trả khác	215.519.892.713	-	-	215.519.892.713
Chi phí phải trả	990.555.556	-	-	990.555.556
	<u>1.254.396.197.585</u>	<u>88.123.720.000</u>	<u>-</u>	<u>1.342.519.917.585</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

 Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giao dịch bán hàng		
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)	49.291.593.697	253.113.021.810
Giao dịch mua hàng		
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)	-	5.189.068.976
Cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)	1.523.250.000	-
	1.523.250.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)	101.294.446	35.094.265.840
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)	3.566.953.046	2.635.702.200

(*) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.022.743.877	1.431.073.218

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

 Trịnh Thị Thanh Huyền
 Người lập

 Bùi Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017